

Quyết định giám đốc thẩm
Số 05/2016/HC-GĐT
Ngày 04/7/2016

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Với Hội đồng giám đốc thẩm gồm có 14/16 thành viên tham gia xét xử, đồng chí Bùi Ngọc Hòa, Phó chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm Chủ tọa phiên tòa theo sự ủy quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao, ông Phương Hữu Oanh, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa bà Trần Thị Lương, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

Ngày 04/7/2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về khiếu kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

- *Người khởi kiện:* Ông Đoàn Văn N; địa chỉ: khu phố C, phường D, thành phố E, tỉnh Long An.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An; địa chỉ: đường M, Phường Q, thành phố E, tỉnh Long An.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L; địa chỉ: đường K, Phường S, thành phố E, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn C; địa chỉ: khu phố C, Phường D, thành phố E, tỉnh Long An.

NHẬN THẤY:

Ông Nguyễn Văn C và ông Đoàn Văn N tranh chấp 1.458,8m² đất thuộc thửa số 308, tờ bản đồ số 02, Phường D, thành phố E, tỉnh Long An có nguồn gốc là đất ao của cụ Đỗ Thị U (cụ U chết năm 2003, ông C là cháu nội, ông N là cháu ngoại của cụ U) khai hoang sử dụng từ trước năm 1975. Quá trình sử dụng đất trên, cụ U chưa kê khai, chưa có tên trong sổ địa chính.

Ông N cho rằng cụ U cho ông phần đất trên và ông đã sử dụng từ năm 1975 đến năm 2000 thì Nhà nước lấy một phần đất để mở rộng rạch X nên còn lại diện

tích đất như hiện nay. Năm 1998, ông N có đơn xin cấp quyền sử dụng, Hội đồng xét cấp quyền sử dụng đất đã không chấp nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho ông N.

Ông C cho rằng vào năm 1987 cụ U đã cho ông Nguyễn Văn V (là con của cụ U và là cha của ông C) phần đất này. Năm 1990, ông V cho ông N (là cháu) mượn làm được 02 năm thì bỏ trống. Năm 2002, ông V cho ông C phần đất trên để cất nhà ở, ông N không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

Ông N đã khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng đất với ông V, ông C. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 266/2008/DSST ngày 25/9/2008, Tòa án nhân dân thị xã Tân An (nay là thành phố Tân An) đã chấp nhận đơn khởi kiện của ông N, buộc ông V, ông C hoàn trả diện tích đất trên cho ông N. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 09/2009/DSPT ngày 13/01/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã hủy bản án dân sự sơ thẩm số 266/2008/DSST ngày 25/9/2008 của Tòa án nhân dân thị xã Tân An và đình chỉ giải quyết vụ án (với lý do đất tranh chấp chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có tên trong sổ địa chính nên không có tên trong sổ địa chính nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án).

Ông N tiếp tục khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T giải quyết tranh chấp trên. Ngày 22/9/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất số 4144/QĐ-UBND bác đơn đòi quyền sử dụng đất của ông Đoàn Văn N; công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C diện tích đo đạc thực tế 1.458,8m², thuộc thửa 142, tờ bản đồ số 4, tại phường 5. Lý do: Phần đất trên bà Đỗ Thị U đã cho con là ông Nguyễn Văn V từ năm 1987, ông V cho con là Nguyễn Văn C cất nhà ở từ năm 2002 đến nay.

Ông N tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Ngày 09/12/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 3610/QĐ-CT với nội dung: Điều chỉnh thửa và tờ bản đồ tại Điều 1 Quyết định 4144... từ thửa số 142 tờ bản đồ số 04 thành thửa số 308 tờ bản đồ số 02. Giữ nguyên các nội dung còn lại của Quyết định 4144/QĐ-UBND ngày 22/9/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T. Bác đơn khiếu nại của ông Đoàn Văn N với lý do: Đất ông Nguyễn Văn V sử dụng từ năm 1987; đến năm 2002 ông V cho con là ông Nguyễn Văn C sử dụng cất nhà ở đến nay.

Ngày 21/9/2011, ông N có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 4144/QĐ-UBND ngày 22/9/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Quyết định số 3610/QĐ-CT ngày 09/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2012/HCST ngày 18/6/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định: “Không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Đoàn Văn N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4144/QĐ-UBND ngày 22/9/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố T và Quyết định 3610/QĐ-CT ngày 09/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An”.

Ngày 02/7/2012, ông Đoàn Văn N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 14/2012/HCPT ngày 16/10/2012, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định: “Bác kháng cáo của ông Đoàn Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm”.

Ngày 27/12/2012, ông N có đơn đề nghị xem xét theo trình tự giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

Tại kháng nghị số 06/2015/KN-HC ngày 10/3/2015, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị Bản án hành chính phúc thẩm số 14/2012/HC-PT ngày 16/10/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên và Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2012/HCST ngày 18/6/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

XÉT THẤY:

Diện tích đất 1.458,8m² thuộc thửa số 308, tờ bản đồ số 02, phường D, thành phố E tranh chấp giữa ông Đoàn Văn N và ông Nguyễn Văn C có nguồn gốc của cụ Đỗ Thị U sử dụng từ trước năm 1975 (các đương sự đều thừa nhận có nguồn gốc của cụ U). Quá trình sử dụng cụ U không đăng ký kê khai và chưa có tên trong sổ địa chính.

Ông N khai được cụ U cho thửa đất này và đã sử dụng từ năm 1975, nhưng không có giấy tờ chứng minh việc cụ U cho đất, năm 1997 ông N có kê khai, sau đó có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được chấp nhận. Năm 2000 Nhà nước lấy một phần thửa đất để mở rộng rạch X (công trình thủy lợi Y), ông N nhận tiền đền bù lần 1, khi trả tiền đền bù lần 2 thì anh em trong gia đình có tranh chấp tiền đền bù, nên đã họp gia đình thống nhất cụ U nhận 2.500.000 đồng và ông N được 652.000 đồng (tại biên bản giao tiền đền bù ngày 13/02/2001).

Ông C cho rằng cụ U cho ông V (cha ông C) thửa đất trên năm 1987 và ông V cho ông C sử dụng xây dựng nhà ở, nhưng không có giấy tờ tài liệu chứng minh. Trên thực tế năm 2000, khi ông C vào làm nhà trên đất thì ông N đã có tranh chấp và Ủy ban nhân dân phường đã lập biên bản đình chỉ xây dựng, nhưng ông C vẫn xây dựng.

Như vậy, ông N và ông C đều khai được cụ U cho sử dụng đất nhưng không có giấy tờ tài liệu chứng minh. Cụ U chết năm 2003, ông V (bố ông C) chết năm 2009. Khi cụ U còn sống thì ở cùng ông V nhưng chưa có căn cứ để xác định cụ U cho ông V thửa đất này. Do đó, Quyết định số 4144/QĐ-UBND ngày 22/9/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T nhận định cho rằng phần đất trên cụ U cho ông V từ năm 1987, ông V cho ông C cất nhà ở từ năm 2002 đến nay để bác đơn

tranh chấp quyền sử dụng đất của ông N là không có căn cứ; mặt khác, quyết định này công nhận quyền sử dụng đất cho ông C với diện tích 1.458,8m² thuộc thửa 142, tờ bản đồ số 04, phường 5 là không đúng (thửa đất số 308 tờ bản đồ số 2 và thửa 142 tờ bản đồ số 4 là hai thửa đất khác nhau). Quyết định số 3610/QĐ-CT ngày 09/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An điều chỉnh từ thửa số 142 tờ bản đồ số 04 thành thửa số 308 tờ bản đồ số 02 và giữ nguyên các nội dung còn lại của Quyết định 4144/QĐ-UBND ngày 22/9/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T là không đúng. Ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4144/QĐ-UBND ngày 22/9/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Quyết định 3610/QĐ-CT ngày 09/12/2010 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Khi chưa có căn cứ chứng minh cụ U có cho quyền sử dụng đất hay không cho, nếu cho thì cho ai, mà Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án phúc thẩm đã bác đơn khởi kiện của ông N là chưa đủ căn cứ.

Do vậy, cần chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hủy bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

Bởi các lẽ trên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 255, khoản 2 Điều 266, khoản 3 Điều 272 và Điều 274 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 14/2012/HC-PT ngày 16/10/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2012/HCST ngày 18/6/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- TAND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- UBND tỉnh Long An;
- TAND tỉnh Long An (2b kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THA DS tỉnh Long An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ PCQLKH, VGĐKT1 (2 b), VPTANDTC (L).

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Hòa